

SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH

BỆNH VIỆN PHỔI

BẢNG GIÁ VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Áp dụng từ ngày 1/8/2018)

Stt	Tên vật tư tiêu hao	Đơn vị	Đơn giá(VNĐ)	Ghi chú
1	Bơm tiêm nhựa 10ml	cái	1,600	
2	Bơm tiêm nhựa 5ml	cái	800	
3	Bơm tiêm nhựa 1ml	cái	750	
4	Kim lấy thuốc	cái	500	
5	Bơm cho ăn 50ml(nhựa)	cái	7,300	
6	Bơm tiêm 50ml(nhựa) dùng cho bơm tiêm điện	cái	21,000	
7	Kim cánh bướm	cái	1,700	
8	Kim luồn tĩnh mạch	cái	13,200	
9	Kim chọc dịch não tủy	cái	24,000	
10	Dây truyền(Hanaco)	bộ	7,500	
11	Dây truyền liên doanh	bộ	4,200	
12	Dây nối bơm tiêm điện	cái	15,000	
13	Ba chạc	cái	6,600	
14	Dây thở oxy 2 gọng	bộ	11,000	

Nam Định, ngày 30 tháng 7 năm 2018



Dương Văn Toán

SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN PHỔI

BẢNG GIÁ THUỐC SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN

(Áp dụng từ ngày 1/8/2018)

Stt	Tên thuốc nồng độ hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Ghi chú
1	Adalat 10mg	Viên	2,253	
2	Adrenalin 1mg	Ống	2,100	
3	Adrenoxyl 10mg	Viên	1,250	
4	Albunorm 20%50ml	chai	600,000	
5	Ama Power 1000+500mg	lọ	62,000	
6	Aminazin 1,25%	Ống	1,200	
7	Aminoplasma B.Braun 5%E 250ml	chai	67,725	
8	Atiliver Diệp Hạ Châu	viên	1,931	
9	Atropin Sulphat 0,25mg	Ống	480	
10	Bamtec 10mg	viên	5,639	
11	Berodual 0,05mg/nhát xịt; 0,02mg/nhát xịt	binh	132,323	
12	Biofil 4g/10ml	ống	2,500	
13	Bio-Taksym 1g	lọ	25,300	
14	Bricanyl Inj. 0.5mg/ ml	Ống	11,990	
15	Bromhexin Actavis 8mg	viên	714	
16	Cinnarizin 25mg	viên	45	
17	Ciprobay Tab 500mg 10's	Viên	13,913	
18	Ciprofloxacin Kabi 200mg/100ml	chai	16,889	
19	Clarithromycin Stada 500mg	viên	5,500	
20	Colchicin 1mg	viên	218	
21	Combikit 1,6g	Lọ	113,799	
22	Combivent 2,5mg+0,5mg	Ống	16,074	

24	Cotrimoxazol 480mg	viên	195	
25	Coversyl 5mg	viên	5,650	
26	Cravit Tab 250mg	viên	23,650	
27	Digoxin-Richter 0,25mg	viên	714	
28	Dimedrol 10mg	ống	516	
29	Dolcontral 50mg/ml	ống	14,695	
30	Dopamin 200mg 5ml	Ống	19,950	
31	Falipan 2%/10ml	ống	15,650	
32	Fefasdin 60	viên	264	
33	Furosemide 40mg	Viên	144	
34	Furosemide 20mg/2ml	ống	4,100	
35	Gastropulgitte Sac 30's	Gói	3,053	
36	Glucose 30% 5ml	Ống	1,008	
37	Glucose 5% 500ml	chai	7,770	
38	Glucose Kabi 30% 5ml	ống	1,008	
39	Hapacol sủi 500mg	viên	1,250	
40	Hoạt huyết dưỡng não	viên	158	
41	Hyzaar 50/12,5mg	Viên	8,370	
42	Kagasdine 20mg	viên	133	
43	Kaldyum 600mg	Viên	1,800	
44	Kali clorid 10%	Ống	2,399	
45	Katrypsin 4,2mg	Viên	152	
46	Kilazo 1g	Lọ	86,000	
47	Lidocain 10%	Chai	123,900	
48	Lidocain-BFS 40mg	ống	448	
49	Loperamid 2mg	viên	119	
50	Lorista H 62,5mg	Viên	5,912	

51	Mebilax 15mg	viên	998	
52	Medrol Tab 4mg 30's	Viên	983	
53	Metronidazol Kabi 500mg	Chai	8,600	
54	Midozam 0,75g	lọ	34,000	
55	Morphin HCl 0.01g	ống	3,457	
56	Myderison 50mg	viên	1,215	
57	Napharangan-Codein	Viên	1,000	
58	Natri clorid 10% 5ml	Ống	2,310	
59	Natri clorid 0,9%	chai	7,245	
60	Navadiab 80mg	viên	1,891	
61	Nexium Mups 20mg	Viên	22,456	
62	Nước cất pha tiêm 5ml	Ống	520	
63	Panfor SR-500	viên	1,197	
64	Papaverin 40mg	Viên	218	
65	Phenobarbital 100mg	viên	204	
66	Piracetam - Egis 40mg	viên	1,220	
67	Pulmicort Respules 500mcg/2,5ml	Ống	13,834	
68	Quibay 1g/5ml	Ống	9,427	
69	Ridlor 75mg	viên	1,996	
70	Ringer lactate 500ml	chai	7,455	
71	Salbutamol Renaudin 5mg/5ml	Ống	110,000	
72	Scanneuron	viên	720	
73	Scilin M30 (30/70)	Lọ	96,000	
74	Scilin R	Lọ	98,500	
75	Seduxen 5mg	Viên	607	
76	Seretide Accuhaler 50/250mcg	Bình	259,147	
77	Simvapol 20mg	viên	1,400	

78	Solu-Medrol 40mg	Lọ	33,100	
79	Sorbitol 5g	Gói	415	
80	Spiriva Respimat 0,0025mg/nhát xịt	ống	1,016,387	
81	Symbicort Turbuhaler 160mcg+4,5mcg	Ống	286,440	
82	Tenafathin 1000	lọ	77,868	
83	Tenafotin 1000	lọ	57,519	
84	Terpin - Codein 10/100	viên	280	
85	Transamin 250mg/5ml	Ống	14,000	
86	Vastarel MR 35mg	Viên	2,705	
87	Ventolin Inhaler 100mcg/liều xịt	Bình	76,379	
88	Ventolin neblues 5mg/2,5ml	Ống	8,513	
89	Vinsalmol 0,5mg/ml	Ống	2,184	
90	Vintrysine 5000 UI	Lọ	5,000	
91	Vitamin B12 1mg/ml	ống	480	
92	Xatral XL 10mg	viên	15,291	
93	Zinnat tablets 250mg	viên	13,166	

Nam Định, ngày 30 tháng 7 năm 2018



Đường Văn Toán